

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày 08 – 4 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Đức.

Ông Dương Đình Diệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Cường – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST – HS ngày 05 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST – HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

1. **TR**, sinh ngày 02/6/1993 tại Đăk Lăk; Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, thị trấn M'Đrăk, huyện M, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Phụ xe; TR độ học vấn 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Hồng Tr1, sinh năm 1963 con bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965; có vợ là Hoàng Thị Thuý A10, sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án: không; Tiền sự: không;

Nhân thân:

Ngày 18/10/2009 phạm tội Trộm cắp T sản. Tại Bản án hình sự số 03/HSST ngày 12/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ tuyên phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo.

Ngày 21/2/2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P xử phạt hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng

Bị bắt ngày 12/4/2020, bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. **NGH**, sinh ngày 18/9/1995 tại Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: thôn Piom, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Buôn bán; TR độ học vấn 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông

Nguyễn Văn Tr2, sinh năm 1967 con bà Phan Thị K2, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: 01 tiền án: Ngày 05/6/2018 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/HSST ngày 30/10/2018 của Tòa án huyện Đắk Đoa, tuyên phạt 12 tháng tù giam. Thi hành án tại Trại giam Gia Trung, ngày 09/7/2019 chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 17/3/2020, bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. T, sinh ngày 08/7/1997 tại Gia Lai; Nơi ĐHKHTT: thôn 3, xã Y, huyện Đ2, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; TR độ học vấn 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng H6, sinh năm 1966 con bà Lê Thị T6, sinh năm 1968; có vợ là Phan Thị Aí V6, sinh năm 2000; có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 lần; Ngày 04/2/2020 bị Công an huyện Đ2 xử phạt hành chính về hành vi vận chuyển pháo hoa.

Bị bắt ngày 17/3/2020, bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. V7, sinh ngày 22/4/1997 tại Gia Lai; Nơi ĐKHKT: thôn HLâm, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; TR độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T3, sinh năm 1972 con bà Hồ Thị S3, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 22/4/2020, bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo TR : Luật sư Trương Thị PH4 – Luật sư của Văn phòng luật sư Trương Thị PH4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Người có quyền lợi, NGH vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh B5, sinh năm 2003.

Trú tại: thôn HLâm, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Người làm chứng:

1. Anh N5, sinh năm 1992.

Trú tại: thôn 3, xã Y, huyện Đ2, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh K5, sinh năm 1989.

Trú tại: thôn Chí Công, xã C5, huyện Đ5, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. A10, sinh ngày 02/8/1994.

Trú tại: thôn 7, xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào lúc 22 giờ 10 ngày 17/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Gia Lai tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với: NGH (tên gọi khác là Cún) và T về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, khi cả hai đối tượng đang có mặt ở phòng trọ của T, quá TR bắt quả tang NGH và T còn phát hiện N5, K5, V7 đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của T, tại tổ 06 thị trấn Đ1, huyện Đ2.

Tang vật tạm giữ của NGH: 04 bì ni lông bên trong chứa chất rắn màu trắng NGH khai là ma túy đá, 01 cân tiểu ly và 02 điện thoại di động. Tạm giữ của T: 02 điện thoại di động, 01 giấy phép lái xe và 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của NGH tại số 03, Phan Chu Trinh, thị trấn Đ1 huyện Đ1, tỉnh Gia Lai Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai phát hiện, thu giữ 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá.

Tại Bản kết luận giám định số: 293/KLGD ngày 24/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: 04 gói nilon, thu của NGH gửi giám định là Methamphetamine, có tổng khối lượng: 9,8712 gam.

Tại Kết luận giám định số 299/KLGD ngày 30/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: Trên 02 bộ dụng cụ thu giữ có bám chất ma túy loại Methamphetamine.

Tiến hành kiểm tra việc sử dụng trái phép chất ma túy thì N5, K5, V7 đều dương tính với MET (ma túy tổng hợp).

Cơ quan điều tra chứng minh được hành vi phạm tội của các bị can như sau:

Vào chiều ngày 17/3/2020 T điện thoại nói với NGH có người cần mua “một hộp mười” ma túy đá, NGH nói chưa có, đề kiểm chỗ mua đã. Sau đó, TR liên hệ với NGH nói “có ma túy đá mới về có lấy không”, NGH nói TR bán cho một hộp mười, còn tiền NGH trả sau, TR đồng ý. Sau đó NGH thông báo cho T biết có ma túy và thỏa thuận với T giá một hộp “10” ma túy đá là 6.000.000 đồng. Thỏa thuận với T xong, NGH điện thoại nhờ V7 lên nhà của TR để lấy ma túy giúp NGH, V7 đồng ý. Khi V7 đến TR đưa cho V7 một bao thuốc lá bên trong có chứa ma túy, V7 cầm về Đắc Đoa đưa cho NGH, còn V7 về nhà mình.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, NGH điện thoại cho V7 và nhờ V7 chở sang phòng trọ của T; lúc này T đang ngồi trên gác lửng trong phòng trọ cùng với hai người thanh niên lạ mặt còn dưới nền phòng trọ thì N5 và K5, là bạn của T đang ngồi chơi game. T giới thiệu với NGH hai thanh niên đang ngồi cùng với T là hai người đến mua ma túy đá. NGH lấy ma túy đá trong người ra rồi lấy một ít cho vào “nồi” để sử dụng, sau đó cả hai thanh niên đến mua ma túy đá cùng với T và V7 cùng sử dụng số ma túy đá này. Sau khi sử dụng ma túy đá, hai người thanh niên đến mua ma túy nói với NGH là “đồ không ngon” và không mua nữa nên đi về. Khi hai người thanh niên ra

về thì T gọi N5 và K5 lên gác ngồi chơi và sử dụng ma túy đá, khi T, NGH cùng với V7, N5, K5 đang sử dụng ma túy đá thì bị Cơ quan Công an bắt giữ.

Ngoài ra T và N5 khai nhận, vào ngày 16/3/2020 T cho N5 sử dụng trái phép chất ma túy tại chỗ ở của mình.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của NGH, số 0329.329169 phát hiện vào lúc 02 giờ 28 phút ngày 18/3/2020 TR dùng số điện thoại của TR có số thuê bao 0962221247, nhắn tin cho NGH với nội dung: “Trước khi đưa đồ mình đưa cu vỹ thử đàng hoàng. Chứ k phải mình tầm bậy, tầm bạ đâu. Còn bên Cún nhận đồ k ok trả lúc nào cũng đc. Minh ôm; Còn bên Cún tiền bạc sao cũng phải nói 1 tiếng chứ”. NGH giải thích tin nhắn này là TR đòi nợ NGH tiền mua ma túy của TR ngày 17/3/2020. Đến 10 giờ 30 phút ngày 18/3/2020, TR có gọi cuộc gọi nhờ vào số điện thoại của NGH.

Ngày 12/4/2020, Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku bắt quả tang đối với TR, thu 1,2801 gam Methamphetamine, 01 điện thoại di động kèm theo sim số 0962221247.

Về nguồn gốc số ma túy bị bắt quả tang, TR khai vào ngày 11/4/2020 TR đón xe khách đi từ thành phố Pleiku đến thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum gặp một người tên là Bi Em (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và mua của Bi Em 01 gói ma túy đá với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, TR mang về nhà tại thành phố P, Gia Lai cất giấu. Đến ngày 12/4/2020 TR lấy ra một ít ma túy đá để sử dụng cho bản thân, số ma túy còn lại đến khoảng 16 giờ ngày 12/4/2020 TR mang đi bán cho một người tên Hoàng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 2.000.000 đồng, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an thành phố P phát hiện, bắt giữ cùng tang vật.

Quá TR điều tra TR, chỉ thừa nhận tàng trữ 1,2801 gam Methamphetamine để mang đi bán thì bị bắt mà không thừa nhận đã bán trái phép chất ma túy cho NGH vào ngày 17/3/2020, TR khẳng định số điện thoại 0962221247 là của mình nhưng không biết ai nhắn tin, điện thoại cho NGH. TR khai báo không quen biết và không đưa ma túy cho V7 vào ngày 17/3/2020 như lời khai của V7 và NGH. Tại Biên bản đối chất giữa TR, V7 và NGH, TR khai có biết V7 và vào ngày 17/3/2020, V7 có đến nhà TR và TR có cho V7 sử dụng ma túy tại nhà của mình, nhưng sau đó TR khai lại là không quen biết V7.

b. Về các vấn đề khác của vụ án:

+ Về vật chứng của vụ án:

- 11,1513 gam Methamphetamine, được niêm phong trong 02 phong bì thư.
- 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy niêm phong trong 02 phong bì thư.
- 06 điện thoại di động (03 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, kèm theo sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, kèm theo sim số; 02 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, 01 điện thoại kèm theo sim số, 01 điện thoại không có sim).
- 01 CMND mang tên T.
- 01 giấy phép lái xe mang tên NGH.
- 01 bình thủy tinh có nắp đậy màu cam, trên nắp có gắn một ống thủy tinh và một ống nhựa.
- 01 cân tiểu ly điện tử màu đen có chữ “Mingheng”.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu xanh đen, biển kiểm soát 81H6-1079.

Bản cáo trạng số 98/CTr – VKS – P1 ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố:

TR về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

NGH về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

V7 về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

c. Tại phiên tòa:

- *Ý kiến của các bị cáo:* Tại phiên tòa các bị cáo TR, NGH, T, V7 khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Thừa nhận việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tại Bản cáo trạng số 98/CTr – VKS – P1 ngày 09/11/2020 đối với các bị cáo đúng người, đúng tội.

- *Ý kiến của người có quyền lợi, NGH vụ liên quan B5:* Đối với xe mô tô hãng YAMAHA, loại Sirius màu xanh đen, biển kiểm soát 81H6 – 1079 là xe B5 mua trên mạng, V7 mượn sử dụng, hiện xe không có giấy tờ hợp pháp, là phương tiện V7 sử dụng phạm tội vì vậy đề nghị tịch thu sung công quỹ theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của người làm chứng A10:* Không có ý kiến gì.

- *Quan điểm luận tội của kiểm sát viên:*

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội TR, NGH về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo V7 về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt: **TR**: từ 7 năm 6 tháng – 8 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt: **NGH**: 7 năm – 8 năm tù.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: **T**: 7 năm - 8 năm tù.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 xử phạt **T**: 7 năm 6 tháng – 8 năm 6 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ Luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là: 14 năm 6 tháng – 16 năm 6 tháng tù.

-Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự, điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt **V7** : Từ 6 năm – 7 năm tù.

** Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo: T 01 Chứng minh nhân dân; NGH 01 giấy phép lái xe.

- Tịch thu sung công quỹ: 06 điện thoại di động kèm 5 sim số; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu xanh đen, biển kiểm soát 81H6 – 1079; 01 cân tiểu ly.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 phong bì niêm phong có đóng dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai; 01 bình thủy tinh có nắp đậy màu cam. Trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh và 01 ống nhựa.

- *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo TR:* Thống nhất với tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo; Tuy nhiên bị cáo TR có ông bà ngoại là người có công với nước, có 02 con còn nhỏ phải ở với bà nội. Do đó, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo, xử bị cáo hình phạt thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- *Bị cáo:* Không có ý kiến tranh luận gì.

-*Lời nói sau cùng của các bị cáo:* Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, kiểm sát viên trong quá TR điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, TR tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá TR điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo NGH , T, V7 khai nhận: Vào chiều ngày 17/3/2020, T nhắn tin cho NGH qua T khoản zalo để hỏi mua ma túy hộp 10(tương đương 10gam), NGH liên lạc với TR để hỏi mua ma túy, TR liên hệ với NGH nói “có ma túy đá mới về có lấy không”, NGH nói TR bán cho một hộp “10”, còn tiền NGH trả sau, TR đồng ý. Sau đó NGH thông báo cho T biết có ma túy và thỏa thuận với T giá một hộp “10” ma túy đá là 6.000.000 đồng. Thỏa thuận với T xong, NGH điện thoại nhờ V7 lên nhà của TR để lấy ma túy giúp NGH. Sau đó V7 lên

nhà TR lấy ma túy , TR đưa cho V7 một bao thuốc lá bên trong có ma túy, V7 nhận và cầm về đưa cho NGH, NGH nói với V7 lát NGH sẽ nhờ V7 chở đi công việc. Đến khoảng 20h cùng ngày NGH điện thoại cho V7 nhờ chở NGH sang phòng trọ của T , khi NGH và V7 đến phòng trọ của T thì có T , 2 người thanh niên lạ mặt đến mua ma túy và 02 người bạn của T là K5 và N5. NGH lấy ra một ít ma túy để dùng thử, sau khi thử ma túy 02 người lạ mặt nói ma túy không ngon, không mua nữa nên ra về. Sau đó NGH, T , V7 và 02 người bạn của T là N5, K5 đang sử dụng ma túy thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ số ma túy của NGH có khối lượng theo kết luận giám định là 9,8712gam ma túy loại methamphetamine.

Bị cáo TR khai nhận, vào chiều tối ngày 17/3/2020, NGH có gọi điện cho TR để hỏi mua ma túy hộp 10, TR bán cho NGH ma túy hộp 10 giá 6.000.000đồng; sau đó V7 lên nhà TR lấy giúp ma túy giúp cho NGH, Khi V7 lên nhà, TR đưa cho V7 ma túy đá hộp 10 bỏ trong bao thuốc lá; Ngoài ra TR còn khai nhận vào ngày 12/4/2020 khi TR đang trên đường đi bán ma túy thì bị Công an thành phố Pleiku bắt quả tang thu giữ trong người của TR 1,2801gam ma túy loại methaphetamin.

Ngoài ra T còn khai: Vào ngày 16/3/2020 bị cáo T có cho N5 cùng sử dụng ma túy tại phòng trọ của T .

Lời khai của các bị cáo Trương Đại QuýTR, NGH , T, V7 tại phiên toà hôm nay là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, NGH vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, phù hợp với diễn biến của hành vi phạm tội mà cáo trạng đã nêu, phù hợp với tang vật chứng thu giữ, biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định và các chứng cứ, T liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Đủ cơ sở khẳng định:

TR đã có 02 lần mua bán trái phép chất ma túy, lần thứ nhất vào ngày 17/3/2020 TR bán cho NGH khối lượng 9,8712gam ma túy loại methamphetamine; lần thứ hai vào ngày 12/4/2020 TR đang trên đường đi bán ma túy cho đối tượng tên Hoàng (chưa rõ nhân thân lai lịch) thì bị bắt quả tang với khối lượng ma túy thu giữ là 1,2801gam methaphetamin; NGH đã có hành vi mua 9,8712gam ma túy của TR để mục đích bán lại cho hai người mua do T giới thiệu, khi NGH chưa bán được ma túy thì bị bắt quả tang tại phòng trọ của T ; T đã liên lạc với NGH hỏi mua ma túy cho người mua, dùng phòng trọ của mình để làm địa điểm cùng với NGH trao đổi, giao dịch mua bán ma túy với người mua, ngoài ra T còn 02 lần dùng phòng trọ của mình để làm địa điểm cho người khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy, lần thứ nhất ngày 16/3/2020 T cùng với N5 sử dụng, lần thứ 2 ngày 17/3/2020 T cùng với NGH, V7, N5, K5 sử dụng thì bị bắt quả tang; Bị cáo V7 đã có hành vi vận chuyển 9,8712gam ma túy methaphetamin giúp cho NGH từ nhà bị cáo TR ở thành phố Pleiku về nhà NGH ở thị trấn Đăk Đoa và chở NGH từ nhà sang phòng trọ của T , khi vận chuyển ma túy V7 không biết là NGH mua ma túy về để bán và V7 cũng không biết chở NGH sang phòng trọ của T để bán ma túy. Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Với hành vi đã thực hiện nêu trên thì bị cáo TR đã phạm vào tội : “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b,i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo NGH đã phạm vào tội “Mua bán trái

phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.; bị cáo T phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b,d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; bị cáo V7 phạm vào tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 98/CTr – VKS – P1 ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo về tội danh, khung hình phạt, các điều, khoản, điểm tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, các bị cáo nhận thức được tác hại mà chất ma túy gây ra đối với người sử dụng, cũng như việc nhà nước nghiêm cấm mua bán trái phép chất ma túy, nhưng vì ham lợi bất chính, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân các bị cáo đã bất chấp pháp luật vẫn thực hiện tội phạm. Trong vụ án này, đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” có nhiều bị cáo phạm tội, tuy nhiên tính chất chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo cũng khác nhau: Bị cáo TR có vai trò nguy hiểm nhất, phạm tội mua bán trái phép chất ma túy với 02 tình tiết định khung tăng nặng; Bị cáo NGH, T là người thực hành, cùng thực hiện hành vi trao đổi, giao dịch mua bán ma túy với người mua; Bị cáo V7 có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo V7 có nhân thân tốt; các bị cáo TR, NGH, T có nhân thân xấu, bị cáo TR đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; bị cáo T có 01 tiền sự về hành vi vận chuyển pháo hoa;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo NGH đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo TR, T, V7 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; gia đình bị cáo TR, T, V7 có công với nước, trong đó bị cáo TR có ông ngoại tham gia cách mạng từ kháng chiến chống pháp, được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, năm 2013 được tặng huy hiệu 65 năm tuổi đảng, bà ngoại được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo T có ông nội là liệt sĩ, bị cáo V7 có ông nội được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì, bà nội được tặng huy

chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với việc Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá TR giải quyết vụ án”, giúp cơ quan điều tra mở rộng vụ án quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo NGH, V7 thấy rằng: Giai đoạn đầu của quá TR điều tra các bị cáo NGH, V7 không khai báo về nhân thân, lai lịch của bị cáo TR, sau đó các bị cáo thay đổi lời khai giúp cơ quan điều tra mở rộng vụ án nên Hội đồng xét xử đánh giá mức độ thành khẩn, ăn năn của các bị cáo NGH, V7 tích cực hơn các bị cáo khác khi quyết định hình phạt chứ không áp dụng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị và do vậy sẽ không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo V7 với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] Về hình phạt:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới phù hợp, thỏa đáng.

Trong đó, đối với tội mua bán trái phép ma túy bị cáo TR có vai trò nguy hiểm nhất nên xử phạt hình phạt cao hơn các bị cáo khác; Bị cáo NGH, T đều là người trực tiếp giao dịch mua bán ma túy nên đều có vai trò nguy hiểm như nhau về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Bị cáo T còn phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” nên T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội.

Bị cáo V7 có nhân thân tốt nên hình phạt thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án này.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 CMND mang tên T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho T ; 01 giấy phép lái xe mang tên NGH không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho NGH.

Đối với 06 điện thoại di động: là phương tiện các bị cáo sử dụng trong quá TR phạm tội nên tịch thu sung công.

Đối với 01 cân tiểu ly: là công cụ có liên quan đến tội phạm nên tịch thu sung công quỹ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu xanh đen, biển kiểm soát 81H6 – 1079 là phương tiện mà bị cáo V7 sử dụng trong quá TR vận chuyển ma túy, xe này là của anh B5 mua nhưng không hợp pháp, tại phiên tòa anh B5 đồng ý tịch thu sung công, nên tịch thu sung công quỹ.

Đối với khối lượng ma túy là tang vật của vụ án, được niêm phong trong 04 phong bì thư có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai là chất cấm nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 bình thủy tinh có nắp đậy màu cam. Trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh và 01 ống nhựa là công cụ có liên quan đến việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[10]. Đối với hành vi sử dụng trái phép ma túy của N5, K5 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật; Đối với việc bị cáo NGH và bị cáo V7 khai trước đó có lên nhà TR để mua ma túy, tuy nhiên bị cáo TR khai là trước đó chưa bán ma túy cho NGH, V7 lần nào và việc V7 sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của TR, nhưng TR khai là do V7 tự ý sử dụng chứ TR không cho V7 ma túy để sử dụng, xét việc này, ngoài lời khai của NGH, V7 thì không có chứng cứ nào khác, vì vậy Cơ quan Cảnh sát Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với TR về những hành vi nêu trên là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo TR, NGH phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Bị cáo T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bị cáo V7 phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt **TR** : 8 (*Tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 12/4/2020).

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt **NGH** : 7 (*bảy*) năm 6 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 17/3/2020).

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt **T**: 7 (*bảy*) năm 6 (*sáu*) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, Điều 38 của BLHS xử phạt **T: 8 (Tám)** năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của BLHS: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **T** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là: 15 (mười lăm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 17/3/2020).

-Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt **V7 : 7 (bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 22/4/2020).

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo: T 01 Chứng minh nhân dân; NGH 01 giấy phép lái xe.

- Tịch thu sung công quỹ: 06 điện thoại di động kèm 5 sim số; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu xanh đen, biển kiểm soát 81H6 – 1079; 01 cân tiểu ly.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 phong bì niêm phong có đóng dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai; 01 bình thủy tinh có nắp đậy màu cam. Trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh và 01 ống nhựa.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 09/2020 ngày 11/11/2020 giữa cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa Án:

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, người có quyền lợi, NGH vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Cục THA Dân sự tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 8 tháng 4 năm 2021,
Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Đức; Ông Dương Đình Diên

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST – HS ngày 05 tháng 01 năm 2021, đối với **TR**, sinh ngày 02/6/1993 tại Đăk Lăk; Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, thị trấn M’Đrăk, huyện M’Đrăk, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Phụ xe; Cùng đồng phạm.

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

2. Các T liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thu thập đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

3. Về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt:

[1] Tuyên bố bị cáo TR , NGH phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo V7 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

-Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt **TR : 8 (Tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 12/4/2020).

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt **NGH : 7 (bảy)** năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 17/3/2020).

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt **T: 7 (bảy)** năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, Điều 38 của BLHS xử phạt **T: 8 (Tám)** năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của BLHS: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **T** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là: 15 (mười lăm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 17/3/2020).

-Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt **V7 : 7 (bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 22/4/2020).

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

5. Về hình phạt bổ sung: Không.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

6. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, không thuộc trường hợp miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

7. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo: T 01 Chứng minh nhân dân; NGH 01 giấy phép lái xe.

- Tịch thu sung công quỹ: 06 điện thoại di động kèm 5 sim số; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu xanh đen, biển kiểm soát 81H6 – 1079; 01 cân tiểu ly.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 phong bì niêm phong có đóng dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai; 01 bình thủy tinh có nắp đậy màu cam. Trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh và 01 ống nhựa.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

7. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. *Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;*

8. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra Viên, kiểm sát viên, người bào chữa trong quá TR điều tra, truy tố, xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

9. Hội đồng xét xử không kiến nghị gì.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/35.

10. Tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

